

Bản án số: 05/2022/KDTM-PT

Ngày: 13-9-2022

V/v “V/v tranh chấp HĐ thi công xây dựng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đăng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Phạm Trường Thọ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 05/2022/KDTM-PT ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 06/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân TPVL, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương S:

-Nguyên đơn: Công ty TVC

Địa chỉ: Số đường N19, khu đô thị BĐ, xã LVL, TPCM, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Số đường N19, khu đô thị BĐ, xã LVL, TPCM, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng M – Giám đốc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Hải V – Văn phòng Luật sư LTT, T1ộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau.

**Công ty TT**

Địa chỉ: Số 505, đường TCV, phường XH, quận TK, thành phố Đà Nẵng

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn T1** – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hoàng M**

Địa chỉ liên lạc: Số 03, đường LTT, Phường 5, TPCM, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Hải V** – Văn phòng luật sư Lê Thanh T1ận T1ộc Đoàn luật sư Cà Mau.

- Bị đơn: **Công ty LM2**

Địa chỉ: Số 37, đường HC, phường AC, quận NK, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Lê Ngọc T2** – Giám đốc (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 1801287081 đăng ký thay đổi lần 9 ngày 02/6/2022).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Thanh T3**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: đường 65, phường TP, quận K, thành phố Hồ Chí M.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Huỳnh Văn S**

Địa chỉ: Thôn MB, xã HP, huyện HV, Tp Đà Nẵng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2021, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 20/6/2021 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Khoảng tháng 7/2017, nguyên đơn đã ký kết với bị đơn về việc thi công Dự án nhà ở xã hội tại khu tái định cư Phường 4, TPVL, tỉnh Vĩnh Long. Ký kết Hợp đồng số 06/2017/HĐXL ngày 18/7/2017 về việc thi công Dự án nhà ở xã hội và Hợp đồng số 01/2017/ECTT cùng ngày về việc ép cọc, thử tĩnh cọc D400 Dự án nhà ở xã hội. Ngày 06/10/2017 ký tiếp Hợp đồng số 61017/2017/HĐXL về việc thi công khối 5 tầng T1ộc cùng dự án. Thực hiện hợp đồng, tháng 5/2019 bị đơn đã ký xác nhận khối lượng quyết toán công trình cho nguyên đơn với tổng giá trị 11.997.790.000đ. Đến tháng 8/2019, bị đơn đã thanh toán được 7.700.000.000đ. Nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở bị đơn thanh toán số tiền còn lại nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Do việc thanh toán chậm làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 4.277.830.000đ (trong đó nợ thanh toán công trình 3.470.875.000đ, tiền thanh toán kiểm tra độ lún 306.955.000đ, tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng 500.000.000đ) và yêu cầu tính lãi 10%/năm từ tháng 4/2019 đến tháng 4/2021 là 674.613.791đ.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2022, tại địa chỉ nơi trụ sở của bị

đơn, ông Nguyễn M Tâm (anh ruột của ông Hoàng) cung cấp thông tin như sau: địa chỉ trụ sở của bị đơn là nhà riêng của ông, ông cho ông Hoàng mượn địa chỉ này để đăng ký và gắn bảng Công ty chứ tại đây không có hoạt động gì của công ty, trước thời điểm Tòa án làm việc với ông thì khi có Thông báo, giấy mời thì ông đều có thông báo lại cho ông Hoàng được biết, ông đề nghị Tòa án liên hệ với ông Hoàng bằng điện thoại và ông không đồng ý cho ông Hoàng mượn địa chỉ nhà riêng nữa.

Tòa án đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt hợp lệ cho các đương S theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân S 2015 nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Bị đơn vắng mặt.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân TPVL, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Áp dụng Điều 113 Luật xây dựng năm 2014; Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS 2015, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TVC và Công ty TT.

Buộc Công ty LM2 có nghĩa vụ trả Công ty TVC và Công ty TT số tiền 4.277.830.000đ và lãi chậm trả 1.100.685.659đ, tổng cộng 5.378.515.659đ (*năm tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu năm trăm mười lăm ngàn sáu trăm năm mươi chín đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân S 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương S.

Ngày 07/6/2022 bị đơn Công ty LM2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

Đại diện ủy quyền của bị đơn giữ nguyên kháng cáo không đưa ông Huỳnh Văn S tham gia tố tụng tại tòa án cấp sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị hủy án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phân tích nội

dung chứng cứ và đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, thống nhất nội dung án sơ thẩm.

Đại diện nguyên đơn trình bày thống nhất quan điểm của luật sư.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân S từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Phân tích nội dung, chứng cứ và đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, y án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương S; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty LM2 còn trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân S năm 2015.

[2] Về nội dung: Vào năm 2017 nguyên đơn ký hợp đồng với bị đơn về việc thi công dự án nhà ở xã hội theo hợp đồng số 01/2017/ECTT cùng ngày về ép cọc, thử tĩnh cọc D400 dự án xã hội, hợp đồng số 61017/HĐXD ngày 06/10/2017 về việc thi công khối 5 tầng T1ộc cùng dự án là có xảy ra trên thực tế. Thực hiện hợp đồng hai bên có ký xác nhận bằng hai đợt là 11.170.875.000 đồng, biên bản thanh lý hợp đồng thi công ép cọc và thử tĩnh cọc với số tiền phải thanh toán 306.955.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn có thanh toán cho nguyên đơn số tiền 7.700.000.000 đồng, còn nợ 4.277.830 đồng, do bị đơn không thanh toán đúng theo thỏa T1ận nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Phía nguyên đơn có thông báo cho bị đơn nhưng bị đơn không phản hồi đồng thời cơ quan thanh tra đã làm việc và có kết luận số 182/KL-SXD ngày 25/01/2021 nên xử buộc công ty Lợi My 2 trả số tiền nợ 4.277.830.000 đồng và lãi chậm trả là có căn cứ đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của đại diện ủy quyền của bị đơn cho rằng không đưa ông Huỳnh Văn S tham gia tố tụng nhưng xét về nội dung số tiền bảo lãnh 1.500.000.000 đồng do nguyên đơn xuất ra chuyển cho bà Tuyết, nguyên đơn trình bày sau đó bà Tuyết có chuyển trả cho nguyên đơn 1.000.000.000 đồng, còn nợ 500.000.000 đồng là tiền của nguyên đơn. Thời điểm bảo lãnh ông S là người đại diện của nguyên đơn giao tiền cho bị đơn đến thời điểm khởi kiện cũng như theo xác định của nguyên đơn thì ông S không có quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án.

Từ nhận định trên không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH MTV vận tải Lợi My 2, chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên.

[3] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH MTV vận tải Lợi My 2 nộp theo quy định của pháp luật.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân S năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên vận tải Lợi My 2

Áp dụng Điều 113 Luật xây dựng năm 2014; Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS 2015, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TVC và Công ty TT.

Buộc Công ty LM2 có nghĩa vụ trả Công ty TVC và Công ty TT số tiền 4.277.830.000đ và lãi chậm trả 1.100.685.659đ, tổng cộng 5.378.515.659đ (*năm tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu năm trăm mười lăm ngàn sáu trăm năm mươi chín đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân S 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên vận tải Lợi My 2.000.000 đồng, số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng theo lai T1 số 0001271 ngày 07/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân S TPVL được khấu trừ vào tiền án phí phúc thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải chịu thi hành án dân S có quyền thỏa T1 thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TPVL: 01;
- THADS TPVL: 01;
- Các đương S;
- Lưu: 06;

**Nguyễn Thành Đăng**